

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 7/2/2007 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 4/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm (05) ngày 7/10/2013 thay đổi mã số doanh nghiệp thành mã 0100106183.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Trụ sở chính của Công ty: Số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huy Ánh	Ủy quyền điều hành vai trò Chủ tịch (Từ ngày 01/12/2015)
	Ông Lê Quang Đạo	Chủ tịch (Miễn nhiệm 01/12/2015)
	Ông Vũ Minh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Bằng	Ủy viên
	Ông Đoàn Đức Phi	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Huy Ánh	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Bằng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Huy Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Số: 190/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015

của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, được lập ngày 20/03/2016, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Đinh Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.970.863.079	82.552.158.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.407.409.206	13.447.993.423
1. Tiền	111		3.002.800.863	4.183.945.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.404.608.343	9.264.048.255
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.276.000.000	12.276.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.276.000.000	12.276.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.527.615.793	32.567.433.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	19.427.810.359	18.266.990.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.000.000	46.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	18.156.243.879	14.735.738.677
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(72.438.445)	(481.295.279)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	43.430.062.626	22.684.160.226
1. Hàng tồn kho	141		43.430.062.626	22.684.160.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.329.775.454	1.576.571.197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	39.029.973	154.161.973
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.538.888	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.284.206.593	1.422.409.224
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.657.154.830	11.685.470.649
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.254.522.524	7.850.139.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.787.838.467	7.119.362.406
- Nguyên giá	222		19.623.808.134	19.656.555.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.835.969.667)	(12.537.193.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	466.684.057	730.776.757
- Nguyên giá	228		1.691.436.200	1.691.436.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.224.752.143)	(960.659.443)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	3.403.231.571	3.669.489.184
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	1.043.066.108	1.043.066.108
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.8	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(639.834.537)	(373.576.924)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		999.400.735	165.842.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	999.400.735	165.842.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		121.628.017.909	94.237.629.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		94.186.929.168	67.202.670.768
I. Nợ ngắn hạn	310		93.026.538.714	66.220.202.041
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		726.846.820	275.371.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	33.497.920.989	18.527.011.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	12.540.923	221.875.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.454.505	5.454.650
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	57.895.545.787	46.408.958.358
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	300.000.000	350.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		588.229.690	431.530.479
II. Nợ dài hạn	330		1.160.390.454	982.468.727
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.160.390.454	982.468.727
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.441.088.741	27.034.958.415
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	27.406.938.173	27.000.807.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.400.371.127	6.980.553.791
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.807.815.190	1.807.094.821
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		198.751.856	213.159.235
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	213.159.235
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		198.751.856	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.150.568	34.150.568
1. Nguồn kinh phí	432		34.150.568	34.150.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.628.017.909	94.237.629.183
(440 = 300+400)				

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc




Trần Huy Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	98.605.237.462	77.980.814.560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.14	430.167.489	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	98.175.069.973	77.980.814.560
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	78.862.907.399	61.375.217.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.312.162.574	16.605.596.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	753.382.909	1.510.001.662
7. Chi phí tài chính	22	5.17	284.034.584	(64.378.482)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.517.500	9.290.876
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.412.574.982	11.549.199.599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.368.935.917	6.630.777.348
11. Thu nhập khác	31	5.18	5.540.000	549.762.793
12. Chi phí khác	32	5.18	63.778.449	1.852.724.942
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.18	(58.238.449)	(1.302.962.149)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.310.697.468	5.327.815.199
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.141.338.869	1.524.111.809
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.169.358.599	3.803.703.390
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.268	2.113

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Tổng Giám đốc



Trần Huy Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	122.848.327.129	74.671.750.487
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(87.153.799.875)	(42.389.376.846)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.113.262.281)	(31.983.336.741)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.972.150)	(7.930.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.865.701.881)	(2.169.374.253)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.589.271.205	9.231.640.938
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.174.342.035)	(11.868.236.204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.107.520.112	(4.514.862.619)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(97.227.272)	(39.881.819)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.436.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.140.560.088)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.276.000.000	18.356.718.915
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	612.822.821	1.238.624.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.661.471.461	13.555.461.163
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	300.000.000	350.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(350.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.762.509.988)	(2.089.257.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.812.509.988)	(1.739.257.606)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	10.956.481.585	7.301.340.938
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.447.993.423	6.177.416.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.934.198	(30.764.066)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	24.407.409.206	13.447.993.423

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liễu Bích Liên

Phạm Thị Thăng

Trần Huy Ánh



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 7/2/2007 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 4/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm (05) ngày 7/10/2013 thay đổi mã số doanh nghiệp thành mã 0100106183.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 (năm) là 18.000.000.000 đồng.

Công ty có Công ty con:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026639 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 với mã số doanh nghiệp 0102903339 ngày 14 tháng 03 năm 2011. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 67% vốn thực góp.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102957937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ sáu (06) ngày 09 tháng 5 năm 2013. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 75% vốn thực góp

Sở hữu vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	918.000	9.180.000.000	51%
Các cổ đông khác	882.000	8.820.000.000	49%
Cộng	1.800.000	18.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 8-11, tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 274 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000; Thiết kế, thi công nội, ngoại thất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn, thiết kế hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; khai thác nước ngầm và xử lý chất thải rắn; Tư vấn, thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo độ lún; đo độ nghiêng; đo độ chuyển dịch và định vị công trình; Khảo sát địa chất công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, khu đô thị, khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và điểm dân cư nông thôn; Thiết kế hệ thống mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Giám sát xây dựng và hoàn thiện; loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng về thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Thiết kế phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp; đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đất, đá, nền móng công trình xây dựng; kiểm định các cấu kiện xây dựng và chất lượng công trình; Xác định hiện trạng; đánh giá nguyên nhân sự cố và giải pháp xử lý công trình; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Bồi dưỡng và tập huấn về công tác tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ dịch thuật; Tư vấn về kinh tế xây dựng cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn xin giấy phép đầu tư dự án, thành lập doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Kinh doanh và chuyển giao công nghệ xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xử lý nền móng các loại công trình; Lập, thẩm tra tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu, cảng, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị, hàng không và thông tin liên lạc; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Tổng thầu tư vấn các dự án có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: Tư vấn thiết kế xây dựng

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Trung tâm tư vấn quản lý dự án và giám sát xây dựng;
- Trung tâm kiến trúc số 1;
- Trung tâm kiến trúc số 2;
- Trung tâm kết cấu 1;
- Trung tâm kết cấu 2;
- Trung tâm hạ tầng, kỹ thuật;
- Trung tâm dự án đầu tư;
- Trung tâm tư vấn các dự án quốc tế;
- Trung tâm tư vấn xây dựng dân dụng và đô thị;
- Trung tâm tư vấn công nghệ và môi trường;
- Trung tâm khảo sát và kiểm định xây dựng;
- Trung tâm công nghệ mới và kiến trúc sáng tạo;
- Chi nhánh công ty tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh công ty tại Tp Hồ Chí Minh.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 11
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	854.103.011	272.947.977
Tiền gửi ngân hàng	2.148.697.852	3.910.997.191
Các khoản tương đương tiền	21.404.608.343	9.264.048.255
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	21.404.608.343	9.264.048.255
Tổng	24.407.409.206	13.447.993.423

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 1 Hà Nội (HICC1)	631.898.173	1.576.898.173
Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	2.113.080.000	-
Cty CP Đầu tư Đô thị và Khu Công Nghiệp Sông Đà 7	401.129.773	-
Các đối tượng khác	16.281.702.413	16.690.092.117
Tổng	19.427.810.359	18.266.990.290

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	18.156.243.879	-	14.735.738.677	-
- BHXH nộp thừa	56.955.709	-	11.937.469	-
- Phải thu BHXH, BHYT	330.173.475	-	402.595.131	-
- Phải thu thuế TNCN	414.310.357	-	155.794.995	-
- Tạm ứng	11.896.159.271	-	4.288.610.414	-
- Phải thu các công trình	5.458.645.067	-	9.876.800.668	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	18.156.243.879	-	14.735.738.677	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	150.383.181	-
Công cụ, dụng cụ	75.289.542	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.354.773.084	-	22.533.777.045	-
Tổng	43.430.062.626	-	22.684.160.226	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	39.029.973	154.161.973
Các chi phí khác chờ phân bổ	39.029.973	154.161.973
Dài hạn	999.400.735	165.842.302
Chi phí thuê văn phòng	-	24.935.951
Các chi phí khác chờ phân bổ	999.400.735	140.906.351
Chi phí đấu thầu	-	-
Tổng	1.038.430.708	320.004.275

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	15.348.735.286	1.809.477.464	2.498.342.922	19.656.555.672
Tăng trong năm	-	120.227.272	-	120.227.272
Mua trong năm	-	120.227.272	-	120.227.272
Giảm trong năm	-	152.974.810	-	152.974.810
Thanh lý, nhượng bán	-	152.974.810	-	152.974.810
Số dư tại 31/12/2015	15.348.735.286	1.776.729.926	2.498.342.922	19.623.808.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	8.270.601.467	1.768.248.877	2.498.342.922	12.537.193.266
Tăng trong năm	1.415.640.352	36.110.859	-	1.451.751.211
Khấu hao trong năm	1.415.640.352	36.110.859	-	1.451.751.211
Giảm trong năm	-	152.974.810	-	152.974.810
Thanh lý, nhượng bán	-	152.974.810	-	152.974.810
Số dư tại 31/12/2015	9.686.241.819	1.651.384.926	2.498.342.922	13.835.969.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	7.078.133.819	41.228.587	-	7.119.362.406
Tại 31/12/2015	5.662.493.467	125.345.000	-	5.787.838.467

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.125.820.535

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	1.691.436.200	1.691.436.200
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.691.436.200	1.691.436.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	960.659.443	960.659.443
Tăng trong năm	264.092.700	264.092.700
Khấu hao trong năm	264.092.700	264.092.700
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.224.752.143	1.224.752.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	730.776.757	730.776.757
Tại 31/12/2015	466.684.057	466.684.057

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ		31/12/2015			01/01/2015		
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con		1.043.066.108	1.043.066.108	-	1.043.066.108	1.043.066.108	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Việt Nam	1	863.066.108	863.066.108	-	863.066.108	863.066.108	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội	1	180.000.000	180.000.000	-	180.000.000	180.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác		3.000.000.000	2.360.165.463	639.834.537	3.000.000.000	2.626.423.076	(373.576.924)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Dầu tư Dầu Khí		3.000.000.000	2.360.165.463	639.834.537	3.000.000.000	2.626.423.076	373.576.924
Tổng		4.043.066.108	3.403.231.571	639.834.537	4.043.066.108	3.669.489.184	(373.576.924)



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ban Quản lý Công trình xây dựng phát triển đô thị	6.750.000.000	-
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao	-	2.896.019.000
Bệnh viện quân y 175 - Bộ Quốc Phòng	5.201.350.000	-
Công ty CP Đầu tư Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà 7	1.786.005.612	-
Cty Tư vấn thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim (Heerim Architects & Planner Co., Ltd)	-	1.560.460.205
Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai	1.114.217.000	-
Các đối tượng khác	18.646.348.377	14.070.531.880
Tổng	33.497.920.989	18.527.011.085

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	221.875.603	1.358.007.810	1.567.342.490	12.540.923
Thuế giá trị gia tăng	210.524.325	451.657.941	653.676.493	8.505.773
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.035.150	-	4.035.150
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	889.588.844	889.588.844	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.351.278	12.725.875	24.077.153	-
Phải thu	1.422.409.224	7.317.840.599	7.179.637.968	1.284.206.593
Thuế giá trị gia tăng	1.158.324.824	5.499.024.212	5.062.398.328	721.698.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.331.283	1.468.648.780	1.865.701.881	560.384.384
Thuế thu nhập cá nhân	100.753.117	350.167.607	249.414.490	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.123.269	2.123.269

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	57.895.545.787	46.408.958.358
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	189.708.055	99.799.365
Bảo hiểm xã hội	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.705.805.712	46.309.158.993
<i>Phải trả các chủ nhiệm công trình</i>	<i>1.637.009.646</i>	<i>3.373.393.249</i>
<i>Phải trả các đội, xí nghiệp</i>	<i>43.363.683.395</i>	<i>35.618.260.913</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.001.652.965</i>	<i>1.870.392.203</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>10.703.459.706</i>	<i>5.447.112.628</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	32.020	-
Dài hạn	-	-
Tổng	57.895.545.787	46.408.958.358

5.12 Vay và nợ ngắn hạn/dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Từ 12 tháng	-	-	-	-	-	-
- 60 tháng	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Tổng	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	18.000.000.000	1.621.091.817	6.236.541.775		129.515.924	25.987.149.516
Lãi trong năm	-	-			3.803.703.390	3.803.703.390
Trích lập các quỹ	-	186.003.004	744.012.016	-	-	930.015.020
Chia trả cổ tức	-	-	-		(1.674.027.035)	(1.674.027.035)
Trích lập các quỹ	-	-	-		(2.046.033.044)	(2.046.033.044)
Số dư tại 31/12/2014	18.000.000.000	1.807.094.821	6.980.553.791	-	213.159.235	27.000.807.847
Số dư tại 01/01/2015	18.000.000.000	-	6.980.553.791	1.807.094.821	213.159.235	27.000.807.847
Lãi trong năm nay	-		-	-	4.169.358.599	4.169.358.599
Trích lập các quỹ	-		419.817.336	720.369	(2.307.554.609)	(1.887.016.904)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(1.876.211.369)	(1.876.211.369)
Số dư tại 31/12/2015	18.000.000.000	-	7.400.371.127	1.807.815.190	198.751.856	27.406.938.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	9.180.000.000	9.180.000.000
Các cổ đông khác	8.820.000.000	8.820.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.876.211.369	1.674.027.035
Phân phối các quỹ	2.307.554.609	2.046.033.044

5.14 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.605.237.462	77.980.814.560
Tổng	98.605.237.462	77.980.814.560
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	430.167.489	-
Tổng	430.167.489	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	98.175.069.973	77.980.814.560
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.175.069.973	77.980.814.560

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	78.862.907.399	61.375.217.757
Tổng	78.862.907.399	61.375.217.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	627.655.195	1.263.243.258
Cổ tức, lợi nhuận được chia	122.793.516	146.758.404
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.934.198	100.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng	753.382.909	1.510.001.662

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.517.500	9.290.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	30.764.066
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	266.257.613	(104.433.424)
Chi phí hoạt động tài chính khác	259.471	-
Tổng	284.034.584	(64.378.482)

5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý	500.000	-
Thu tiền thuê đất	-	137.133.097
Các khoản thu nhập khác	-	412.629.696
Thu thanh lý CCDC	5.040.000	-
Tổng	5.540.000	549.762.793
Chi phí khác		
Tiền phạt, truy thu thuế	-	1.816.724.156
Các khoản chi phí khác	63.778.449	6.000.786
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	30.000.000
Chi phí khác	-	-
Tổng	63.778.449	1.852.724.942
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(58.238.449)	(1.302.962.149)

5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.141.338.869	1.524.111.809
Tổng	1.141.338.869	1.524.111.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.606.063.892	17.031.626.992
Chi phí nhân công	40.049.562.225	34.532.786.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.792.356.590	1.752.883.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.124.530.986	9.105.774.613
Chi phí khác bằng tiền	14.568.158.259	12.090.238.353
Chi phí dự phòng, bảo hành	(408.856.834)	(940.347.616)
Tổng	97.731.815.118	73.572.962.074

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.169.358.599	3.803.703.390
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (Phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.887.016.904	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.282.341.695	3.803.703.390
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.268	2.113

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên số dư cuối kỳ năm 2014.

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc

Trần Huy Ánh